

I. PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN

Năm 2025, ngoài xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh,

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh có các phương thức xét tuyển sau:

1. Xét tuyển

1.1 *Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên*

Phương thức này áp dụng với tất cả các ngành.

Mô tả phương án

Đối với Ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh

Trường xét tuyển những thí sinh thỏa các điều kiện theo Khoản 4, Điều 7, Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non tại Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh được ban hành kèm theo Quyết định số 949/QĐ-ĐHSP ngày 08/4/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

Riêng đối với ngành **Giáo dục Mầm non, Giáo dục Quốc phòng - An ninh** thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và đạt từ 6,5 điểm trở lên.

Đối với Xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên

Đối với mỗi ngành học, Trường xét tuyển những thí sinh đã tốt nghiệp các trường THPT ([danh sách theo phụ lục 2](#)) có xếp loại học lực lớp 12 chuyên năm học 2024 - 2025 **từ tốt trở lên** và đạt một trong các điều kiện theo thứ tự ưu tiên sau vào ngành đúng hoặc ngành gần ([danh sách theo phụ lục 1](#)):

- a) Tham gia đội tuyển học sinh giỏi quốc gia hoặc đội tuyển cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia;
- b) Đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi học sinh giỏi do cấp tỉnh trở lên tổ chức;
- c) Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam trở lên hoặc tương đương theo phụ lục 3 (áp dụng đối với các ngành ngoại ngữ theo danh mục ngành đúng ngành gần);
- d) Có học lực năm học lớp 10 và 11 chuyên đạt loại tốt.

Riêng đối với ngành **Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh** thí sinh phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường tổ chức và đạt từ 6,5 điểm trở lên.

Hình thức xét tuyển: xét tuyển từ cao xuống thấp theo thứ tự ưu tiên của các tiêu chí cho đến khi hết chỉ tiêu.

1.2. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025

Phương thức tuyển sinh này (áp dụng cho tất cả các ngành trừ ngành Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Quốc phòng – An ninh).

Mô tả phương án

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng tổ hợp 03 môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 để xét tuyển. Trong đó, bắt buộc có môn Toán hoặc môn Ngữ văn.

Hình thức xét tuyển

- Điểm xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi của từng tổ hợp xét tuyển (từng môn thi chấm theo thang điểm 10) cộng với điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_{M1} + Đ_{M2} + Đ_{M3} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_{M1}, Đ_{M2}, Đ_{M3}$: điểm môn thi thứ nhất, thứ hai, thứ ba theo tổ hợp xét tuyển;

$Đ_{UT}$: điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

2. Kết hợp xét tuyển và thi tuyển

2.1. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho các ngành: Sư phạm Toán học, Sư phạm Tin học, Công nghệ thông tin, Sư phạm Vật lý, Vật lý học, Sư phạm Hóa học, Hoá học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Ngữ văn, Văn học, Việt Nam học, Sư phạm Tiếng Anh, Ngôn ngữ Anh, Sư phạm tiếng Trung Quốc, Ngôn ngữ Trung Quốc, Sư phạm Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Sư phạm Tiếng Nga, Ngôn ngữ Nga, Ngôn ngữ Nhật, Ngôn ngữ Hàn

Quốc, Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Đặc biệt, Giáo dục công dân, Giáo dục Chính trị, Sư phạm Công nghệ, Sư phạm Khoa học tự nhiên, Giáo dục học, Quản lý giáo dục, Sinh học ứng dụng, Quốc tế học, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Lịch sử - Địa lý, Địa lý học, Du lịch, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Công tác xã hội, Công nghệ giáo dục, Toán ứng dụng

Mô tả phương án

Ứng với từng tổ hợp xét tuyển vào các ngành học Trường chọn sử dụng:

- Môn chính ứng với ngành học được lấy kết quả từ kỳ thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức;

- Hai môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển được lấy kết quả học tập ở THPT.

Môn chính đối với mỗi ngành học được xác định theo từng tổ hợp xét tuyển và được công bố [tại đây](#)

Hình thức xét tuyển

Điểm xét tuyển được xác định: tổng điểm bài thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường tổ chức trong năm 2024, 2025 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức năm 2025 (được quy đổi về thang điểm 10) của môn chính (được nhân hệ số 2), cộng với điểm hai môn còn lại trong tổ hợp là điểm trung bình môn trong **06 học kỳ ở THPT**. Tổng điểm này được quy đổi về thang điểm 30 và cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = (0.5 \times Đ_{MC} + 0.25 \times Đ_{M1} + 0.25 \times Đ_{M2}) \times 3 + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_{MC}$: điểm môn chính được lấy từ kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2024, 2025 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức năm 2025 (được quy đổi về thang điểm 10);

$Đ_{M1}$, $Đ_{M2}$: điểm trung bình **06 học kỳ ở THPT** của hai môn còn lại theo tổ hợp xét tuyển;

$Đ_{UT}$: điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

2.2. Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 kết hợp thi tuyển môn năng khiếu

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho ngành **Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Quốc phòng – An ninh**.

Mô tả phương án

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng kết quả bài thi Ngữ văn hoặc Toán của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và 02 môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển.

Hình thức xét tuyển

- Điểm xét tuyển là tổng điểm bài thi Ngữ văn hoặc Toán của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) với điểm thi 02 môn thi năng khiếu do Trường tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_M + Đ_{NK1} + Đ_{NK2} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_M$: điểm bài thi Ngữ văn hoặc Toán;

$Đ_{NK1}, Đ_{NK2}$: điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;

$Đ_{UT}$: điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

*2.3. Xét tuyển sử dụng kết quả **thi đánh giá năng lực chuyên biệt** kết hợp thi tuyển môn năng khiếu*

Phương thức tuyển sinh này chỉ áp dụng cho các ngành **Giáo dục Thể chất, Giáo dục Mầm non và Giáo dục Quốc phòng – An ninh**.

Mô tả phương án

Với mỗi ngành học, Trường sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực chuyên biệt môn Toán hoặc Văn (tùy theo tổ hợp xét tuyển) và 02 môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức để xét tuyển.

Hình thức xét tuyển

- Điểm xét tuyển là tổng điểm bài thi đánh giá năng lực chuyên biệt của môn Ngữ văn hoặc Toán (theo tổ hợp môn đăng ký xét tuyển) với điểm thi 02 môn thi năng khiếu do Trường tổ chức cộng điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

$$Đ_{XT} = Đ_M + Đ_{NK1} + Đ_{NK2} + Đ_{UT}$$

Trong đó:

$Đ_{XT}$: điểm xét tuyển, được làm tròn đến hai chữ số thập phân;

$Đ_M$: điểm bài thi đánh giá năng lực chuyên biệt môn Toán hoặc Văn do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức năm 2024, 2025 hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức năm 2025 (được quy đổi về thang điểm 10);

$Đ_{NK1}$, $Đ_{NK2}$: điểm môn thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức;

$Đ_{UT}$: điểm ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.

II. NGUỒN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐẦU VÀO

1. Đối với phương thức xét tuyển

1.1. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên

- Ưu tiên xét tuyển

+ Phương thức xét tuyển này chỉ áp dụng đối với **thí sinh đã tốt nghiệp THPT**.

+ Đối với thí sinh xét tuyển ngành **Giáo dục Mầm non**, thí sinh phải **tham gia kỳ thi năng khiếu** do Trường tổ chức và **đạt từ 6,5 điểm** trở lên đối với mỗi môn thi.

- Xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên

+ Phương thức xét tuyển này chỉ áp dụng đối với thí sinh **tốt nghiệp THPT năm 2025** và có **học lực lớp 12 chuyên đạt loại tốt**.

+ Đối với thí sinh xét tuyển ngành **Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh** thí sinh phải **tham gia kỳ thi năng khiếu** do Trường tổ chức và **đạt từ 6,5 điểm** trở lên đối với mỗi môn thi.

1.2. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (phương thức này áp dụng với tất cả các ngành trừ Giáo dục Mầm non, Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng – An ninh): ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025).

2. Đối với phương thức kết hợp thi tuyển và xét tuyển

2.1. Đối với phương thức xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi đánh giá năng lực chuyên biệt

Phương thức xét tuyển này chỉ áp dụng đối với thí sinh **tốt nghiệp THPT năm 2025**, tham gia kỳ thi đánh giá năng lực chuyên biệt do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh hoặc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 tổ chức và có kết quả môn chính đạt từ 5,0 điểm trở lên, đồng thời phải thỏa **một trong hai điều kiện** sau:

+ Có học lực lớp 12 đạt loại tốt;

+ Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

2.2. Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trình độ đại học

- Phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ 5,0 điểm trở lên đối với mỗi môn thi;

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025: ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025);

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả đánh giá năng lực chuyên biệt kết hợp với thi năng khiếu: **chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025** đồng thời phải thỏa **một trong hai điều kiện** sau:

+ Có học lực lớp 12 đạt loại tốt;

+ Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

2.3. Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng

- Phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ 5,0 điểm trở lên đối với mỗi môn thi;

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025: ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025);

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả đánh giá năng lực chuyên biệt kết hợp với thi năng khiếu: **chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025** đồng thời phải thỏa **một trong hai điều kiện** sau:

+ Có học lực lớp 12 đạt loại khá;

+ Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên.

2.4. Thí sinh dự xét tuyển ngành Giáo dục Thể chất

- Phải tham gia kỳ thi năng khiếu do Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức và có kết quả đạt từ 5,0 điểm trở lên;

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2025: ngưỡng điểm đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển được thông báo chính thức sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đại học (căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025);

- Đối với thí sinh xét tuyển sử dụng kết quả đánh giá năng lực chuyên biệt kết hợp với thi năng khiếu: **chỉ áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2025** đồng thời thỏa **thêm một trong các điều kiện** sau:

+ Có học lực lớp 12 đạt loại khá trở lên;

+ Có điểm xét tốt nghiệp THPT từ 6,5 trở lên;

+ Là vận động viên cấp 1, kiện tướng, vận động viên đã từng đoạt huy chương tại Hội khỏe Phù Đổng, các giải trẻ quốc gia và quốc tế hoặc giải vô địch quốc gia và quốc tế có điểm thi năng khiếu do trường tổ chức đạt loại xuất sắc (từ 9,0 trở lên theo thang điểm 10,0).

III. THỜI GIAN XÉT TUYỂN THĂNG

1. Hồ sơ

Đối với phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

+ Phiếu đăng ký xét tuyển (khai báo trực tuyến);

+ Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (theo mẫu [Phụ lục 4](#) hoặc [Phụ lục 5](#) của Bộ Giáo dục và Đào tạo), các minh chứng theo yêu cầu của xét tuyển (khai báo trực tuyến).

Đối với các phương thức còn lại: theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo (thí sinh cần cung cấp bổ sung minh chứng xét tuyển phù hợp với yêu cầu của phương thức xét tuyển)

2. Thời gian, phương thức đăng ký xét tuyển

Đối với phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển: đăng ký và cung cấp minh chứng xét tuyển trực tuyến tại xettuyen.hcmue.edu.vn từ ngày 01/6/2025 đến 17h00 ngày 30/6/2025.

Đối với các phương thức còn lại: đăng ký theo hướng dẫn và khung thời gian của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Thời gian cung cấp minh chứng xét tuyển đối với các phương thức còn lại: dự kiến từ 01/7 đến 20/7/2025. Trường sẽ có thông báo cụ thể sau

IV. CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN

V. Chỉ tiêu tuyển sinh dự kiến các ngành như sau

VI.

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh
TRỤ SỞ CHÍNH						
1	7140101	Giáo dục học	7140101	Giáo dục học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh

						lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNL chuyên biệt: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán) C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử (Toán) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Toán) X01 - Ngữ văn, Toán, GDKTPL (Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh X01 - Ngữ văn, Toán, GDKTPL	
2	7140103	Công nghệ giáo dục	7140103	Công nghệ giáo dục	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNL chuyên biệt: A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) B08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh	

						(Toán) D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh (Toán) X26 - Toán, Tin học, Tiếng Anh (Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh B08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh X26 - Toán, Tin học, Tiếng Anh	
3	7140114	Quản lý giáo dục	7140114	Quản lý giáo dục	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán) C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử (Toán) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Toán) X01 - Ngữ văn, Toán, GDKTPL (Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí,	

						Hóa học C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh X01 - Ngữ văn, Toán, GDKTPL	
4	7140201	Giáo dục mầm non	7140201	Giáo dục mầm non	250	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2	
5	7140202	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	300	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học	Trong đó có 30 chỉ tiêu dành cho chương

						tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn hoặc Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	trình Giáo dục Tiểu học dạy bằng song ngữ Việt - Anh
6	7140203	Giáo dục Đặc biệt	7140203	Giáo dục Đặc biệt	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn) C03 - Ngữ Văn, Toán, Lịch sử (Ngữ văn) X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi	

						tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn) C03 - Ngữ Văn, Toán, Lịch sử (Ngữ văn) X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL (Ngữ văn)	
7	7140204	Giáo dục Công dân	7140204	Giáo dục Công dân	40	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: X01 - Ngữ văn, Toán, GDKTPL (Ngữ văn) X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL (Ngữ văn) X78 - Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKTPL (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT X01 - Ngữ văn, Toán, GDKTPL X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL X78 - Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKTPL	

8	7140205	Giáo dục Chính trị	7140205	Giáo dục Chính trị	40	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: X01 - Ngữ văn, Toán, GDKTPL (Ngữ văn) X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL (Ngữ văn) X78 - Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKTPL (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT X01 - Ngữ văn, Toán, GDKTPL X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL X78 - Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKTPL	
9	7140206	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	80	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu: M08 - Văn - NK TDTT1 - NK TDTT2	

						T01 - Toán - NK TDTT1 - NK TDTT2 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: M08 - Văn - NK TDTT1 - NK TDTT2 T01 - Toán - NK TDTT1 - NK TDTT2	
10	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	40	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu: Q01 - Toán, NK TDTT1, NK GDQP-AN Q02 - Ngữ văn, NK TDTT1, NK GDQP-AN 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: Q01 - Toán, NK TDTT1, NK GDQP-AN Q02 - Ngữ văn, NK TDTT1, NK GDQP-AN	

11	7140209	Sur phạm Toán học	7140209	Sur phạm Toán học	130	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) X06 - Toán, Vật lí, Tin học (Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh X06 - Toán, Vật lí, Tin học	Trong đó có 30 chỉ tiêu cho chương trình Sur phạm Toán học dạy bằng song ngữ Việt - Anh
12	7140210	Sur phạm Tin học	7140210	Sur phạm Tin học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh (Toán) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) B08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh (Toán) X26 - Toán, Tin	

						học, Tiếng Anh (Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh B08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh X26 - Toán, Tin học, Tiếng Anh	
13	7140211	Sur phạm Vật lý	7140211	Sur phạm Vật lý	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Vật lý) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Vật lý) C01 - Ngữ văn, Toán, Vật lí (Vật lý) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh C01 - Ngữ văn, Toán, Vật lí	
14	7140212	Sur phạm Hoá học	7140212	Sur phạm	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển	

				Hoá học		thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Hóa học) B00 - Toán, Hóa học, Sinh học (Hóa học) D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh (Hóa học) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa B00 - Toán, Hóa học, Sinh học D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh	
15	7140213	Sur phạm Sinh học	7140213	Sur phạm Sinh học	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: B00 - Toán, Hóa học, Sinh học (Sinh học) D08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh (Sinh học) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi	

						tốt nghiệp THPT B00 - Toán, Hóa học, Sinh học D08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh	
16	7140217	Sur phạm Ngữ văn	7140217	Sur phạm Ngữ văn	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn) D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
17	7140218	Sur phạm Lịch sử	7140218	Sur phạm Lịch sử	40	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	

						C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL	
18	7140219	Sur phạm Địa lí	7140219	Sur phạm Địa lí	40	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) C04 - Ngữ văn, Toán, Địa lí (Ngữ văn) D15 - Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh (Ngữ văn) X74 - Ngữ văn, Địa lí, GDKTPL (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí C04 - Ngữ văn, Toán, Địa lí D15 - Ngữ văn, Địa lí, Tiếng Anh X74 - Ngữ văn, Địa lí, GDKTPL	
19	7140231	Sur phạm	7140231	Sur phạm	165	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét	Trong đó có

		Tiếng Anh		Tiếng Anh		tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) X79 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh X79 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học	30 chỉ tiêu cho chương trình Sư phạm Tiếng Anh tiểu học
20	7140232	Sư phạm Tiếng Nga	7140232	Sư phạm Tiếng Nga	30	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (Tiếng Anh) X78 - Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKTPL (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi	

						tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D02 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh X78 - Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKTPL	
21	7140233	Sur phạm Tiếng Pháp	7140233	Sur phạm Tiếng Pháp	30	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D03 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp	
22	7140234	Sur phạm Tiếng Trung Quốc	7140234	Sur phạm Tiếng Trung Quốc	30	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn,	

						Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D04 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
23	7140246	Sur phạm công nghệ	7140246	Sur phạm công nghệ	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: X08 - Toán, Vật lí, Công nghệ nông nghiệp (Toán/Vật lý) A02 - Toán, Vật lí, Sinh học (Toán/Vật lý/Sinh học) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán/Vật lý) X07 - Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp (Toán/Vật lý) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT X08 - Toán, Vật lí, Công nghệ nông nghiệp A02 - Toán, Vật lí, Sinh học A01 - Toán, Vật lí,	

						Tiếng Anh X07 - Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
24	7140247	Sur phạm khoa học tự nhiên	7140247	Sur phạm khoa học tự nhiên	200	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán/Vật lí/Hóa học) A02 - Toán, Vật lí, Sinh học (Toán/Vật lý/Sinh học) B00 - Toán, Hóa học, Sinh học (Toán/Hóa học/Sinh học) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A02 - Toán, Vật lí, Sinh học B00 - Toán, Hóa học, Sinh học	
25	7140249	Sur phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	Sur phạm Lịch sử - Địa lý	150	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học	

						tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL (Ngữ văn) X74 - Ngữ văn, Địa lí, GDKTPL (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL X74 - Ngữ văn, Địa lí, GDKTPL A07 - Toán, Lịch sử, Địa lí	
26	7220101	Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam	7220101	Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam	10	- Đối tượng tuyển sinh: + Thí sinh là người nước ngoài đã tốt nghiệp trung học phổ thông; + Thí sinh là người Việt Nam định cư ở nước ngoài theo Luật quốc tịch Việt Nam đã tốt nghiệp trung học phổ thông. - Tổ chức xét tuyển (có thông báo cụ thể riêng).	

27	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	200	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) X79 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh X79 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học	
28	7220202	Ngôn ngữ Nga	7220202	Ngôn ngữ Nga	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (Tiếng Anh) X78 - Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKTPL (Tiếng Anh)	

						4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D02 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Nga D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh X78 - Ngữ văn, Tiếng Anh, GDKTPL	
29	7220203	Ngôn ngữ Pháp	7220203	Ngôn ngữ Pháp	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D03 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Pháp	
30	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	200	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp	Trong đó có 15 chỉ tiêu cho chương trình

						thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D04 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Trung D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	liên kết đào tạo
31	7220209	Ngôn ngữ Nhật	7220209	Ngôn ngữ Nhật	150	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D06 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Nhật	
32	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	

						(Tiếng Anh) D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh DD2 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Hàn D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh DH5 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Hàn	
33	7229030	Văn học	7229030	Văn học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn) D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01 - Ngữ văn,	

						Toán, Tiếng Anh D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
34	7310401	Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn/Toán/Tiếng Anh) C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử (Ngữ văn/Toán) C04 - Ngữ văn, Toán, Địa lí (Ngữ văn/Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí	

						D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử C04 - Ngữ văn, Toán, Địa lí	
35	7310403	Tâm lý học giáo dục	7310403	Tâm lý học giáo dục	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn/Toán/Tiếng Anh) C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử (Ngữ văn/Toán) C04 - Ngữ văn, Toán, Địa lí (Ngữ văn/Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT	

						C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh C03 - Ngữ văn, Toán, Lịch sử C04 - Ngữ văn, Toán, Địa lí	
36	7310501	Địa lý học	7310501	Địa lý học	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) C04 - Ngữ văn, Toán, Địa lí (Ngữ văn) D15 - Địa lí, Ngữ văn, Tiếng Anh (Ngữ văn) X74 - Địa lí, Ngữ văn, GDKTPL (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí C04 - Ngữ văn, Toán, Địa lí D15 - Địa lí, Ngữ văn, Tiếng Anh	

						X74 - Địa lí, Ngữ văn, GDKTPL	
37	7310601	Quốc tế học	7310601	Quốc tế học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (Tiếng Anh) D09 - Toán, Lịch sử, Tiếng Anh (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh D09 - Toán, Lịch sử, Tiếng Anh	
38	7310630	Việt Nam học	7310630	Việt Nam học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn) D14 - Ngữ văn,	

						Lịch sử, Tiếng Anh (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
39	7420203	Sinh học ứng dụng	7420203	Sinh học ứng dụng	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: B00 - Toán, Hóa học, Sinh học (Sinh học) D08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh (Sinh học) X16 - Toán, Sinh học, Công nghệ nông nghiệp (Sinh học) X14 - Toán, Sinh học, Tin học (Sinh học) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT B00 - Toán, Hóa học, Sinh học D08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh X16 - Toán, Sinh	

						học, Công nghệ nông nghiệp X14 - Toán, Sinh học, Tin học	
40	7440102	Vật lý học	7440102	Vật lý học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Vật lý) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Vật lý) X08 - Toán, Vật lí, Công nghệ nông nghiệp (Vật lý) X07 - Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp (Vật lý) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh X08 - Toán, Vật lí, Công nghệ nông nghiệp X07 - Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
41	7440112	Hoá học	7440112	Hoá học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên	

						3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Hóa học) B00 - Toán, Hóa học, Sinh học (Hóa học) D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh (Hóa học) X10 - Toán, Hóa học, Tin học (Hóa học) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học B00 - Toán, Hóa học, Sinh học D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh X10 - Toán, Hóa học, Tin học	
42	7460112	Toán ứng dụng	7460112	Toán ứng dụng	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) X06 - Toán, Vật lí, Tin học (Toán) X07 - Toán, Vật lí,	

						Công nghệ công nghiệp (Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh X06 - Toán, Vật lí, Tin học X07 - Toán, Vật lí, Công nghệ công nghiệp	
43	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	150	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh (Toán) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) B08 - Toán, Sinh học, Tiếng Anh (Toán) X26 - Toán, Tin học, Tiếng Anh (Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D07 - Toán, Hóa học, Tiếng Anh A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh B08 - Toán, Sinh	

						học, Tiếng Anh X26 - Toán, Tin học, Tiếng Anh	
44	7760101	Công tác xã hội	7760101	Công tác xã hội	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL (Ngữ văn) D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
45	7810101	Du lịch	7810101	Du lịch	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp	

						thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn) D15 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí (Ngữ văn) D14 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D15 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Địa lí D14 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Lịch sử	
Tổng cộng trụ sở chính					4275		
PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH LONG AN <i>Đào tạo tại địa chỉ 934 Quốc lộ 1, Khu phố Tường Khánh, phường Khánh Hậu, thành phố Tân An, tỉnh Long An</i>							
46	51140201_LA	Giáo dục mầm non (cao đẳng)	51140201	Giáo dục mầm non (cao đẳng)	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng	

						khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2	
47	7140201_LA	Giáo dục mầm non	7140201	Giáo dục mầm non	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2	

						M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2	
48	7140202_LA	Giáo dục Tiểu học	7140202	Giáo dục Tiểu học	150	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn hoặc Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
49	7140206_LA	Giáo dục Thể chất	7140206	Giáo dục Thể chất	40	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu: M08 - Văn - NK TDTT1 - NK	

						TDDT2 T01 - Toán - NK TDDT1 - NK TDDT2 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: M08 - Văn - NK TDDT1 - NK TDDT2 T01 - Toán - NK TDDT1 - NK TDDT2	
50	7140208_LA	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	7140208	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	40	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu: Q01 - Toán, NK TDDT1, NK GDQP-AN Q02 - Ngữ văn, NK TDDT1, NK GDQP-AN 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: Q01 - Toán, NK TDDT1, NK GDQP-AN Q02 - Ngữ văn,	

						NK TDTT1, NK GDQP-AN	
51	7140209_LA	Sư phạm Toán học	7140209	Sư phạm Toán học	40	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) X06 - Toán, Vật lí, Tin học (Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh X06 - Toán, Vật lí, Tin học	
52	7140217_LA	Sư phạm Ngữ văn	7140217	Sư phạm Ngữ văn	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý (Ngữ văn) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn)	

						D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh D14 - Ngữ văn, Lịch sử, Tiếng Anh	
53	7140231_LA	Sur phạm Tiếng Anh	7140231	Sur phạm Tiếng Anh	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Tiếng Anh) X79 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học (Tiếng Anh) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh X79 - Ngữ văn, Tiếng Anh, Tin học	
54	7140249_LA	Sur phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	Sur phạm Lịch sử - Địa lý	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên	

						3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí (Ngữ văn) X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL (Ngữ văn) X74 - Ngữ văn, Địa lí, GDKTPL (Ngữ văn) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT C00 - Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí X70 - Ngữ văn, Lịch sử, GDKTPL X74 - Ngữ văn, Địa lí, GDKTPL A07 - Toán, Lịch sử, Địa lí	
Tổng cộng phân hiệu Trường đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Long An					620		
PHÂN HIỆU TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TẠI TỈNH GIA LAI <i>Đào tạo tại địa chỉ: 126 Lê Thánh Tôn, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai</i>							
	51140201_GL	Giáo dục mầm non (cao đẳng - đào tạo tại phân hiệu Gia Lai)	51140201	Giáo dục mầm non (cao đẳng)	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK	

						GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2	
	7140201_GL	Giáo dục mầm non (đào tạo tại phân hiệu Gia Lai)	7140201	Giáo dục mầm non	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng thi ĐGNL chuyên biệt kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT kết hợp thi năng khiếu: M02 - Toán, NK GDMN 1, NK GDMN 2 M03 - Ngữ văn, NK GDMN 1, NK GDMN 2	

	7140202_GL	Giáo dục Tiểu học (đào tạo tại phân hiệu Gia Lai)	7140202	Giáo dục Tiểu học	100	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán) A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh (Toán) D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh (Ngữ văn hoặc Toán) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A01 - Toán, Vật lí, Tiếng Anh D01 - Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh	
	7140247_GL	Sư phạm khoa học tự nhiên (đào tạo tại phân hiệu Gia Lai)	7140247	Sư phạm khoa học tự nhiên	50	1. Xét tuyển thẳng 2. Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thí sinh là học sinh lớp chuyên 3. Xét tuyển sử dụng kết quả học tập THPT kết hợp thi ĐGNLCB: A00 - Toán, Vật lí, Hóa học (Toán/Vật lí/Hóa học) A02 - Toán, Vật lí, Sinh học (Toán/Vật lí/Sinh học)	

						B00 - Toán, Hóa học, Sinh học (Toán/Hóa học/Sinh học) 4. Xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT A00 - Toán, Vật lí, Hóa học A02 - Toán, Vật lí, Sinh học B00 - Toán, Hóa học, Sinh học	
Tổng cộng phân hiệu Trường đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh tại tỉnh Gia Lai					300		
VII. Tổng cộng toàn trường					5195		